

Bản án số: 22/2025/HS-ST

Ngày 25 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hải Âu

Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Phương Thảo.

Ông Trần Hồng Phong.

Ông Trần Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Vân Anh - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2025/TLST-HS, ngày 11 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lại Thị Thu H**, sinh năm 1982 tại tỉnh Bình Thuận; nơi ĐKTT: Tổ 0, khu phố 0, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở hiện nay: Không có nơi ở cố định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lại Thanh S, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị D (đã chết); có chồng là ông Bốc Nịp L, sinh năm 1983 và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 07-9-2024; sau đó chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Nông. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

***/ Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Thanh H – Luật sư, Văn phòng Luật sư H; địa chỉ: Số 1, đường L, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (Có mặt).

***/ Người bị hại:**

1. Lê Thị Lệ U, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ dân phố 0, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (Có mặt).

2. Hồ Thị M, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố 0, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (Có mặt).

3. Lăng Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện M, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 0, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (Có mặt).

4. Đặng Văn D, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố 0, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Hoàng Minh Tr, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ dân phố 0, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Hoàng Thị Thu H1, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố 0, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4-2023, Lại Thị Thu H cùng chồng là ông Bốc Nịp L và 02 con đến thuê phòng trọ của bà Hồ Thị M để ở và làm ăn. Quá trình sinh sống, H làm thuê cho bà M và quen biết với bà Lê Thị Lệ U, Lăng Thị T, Đặng Văn D, Hoàng Minh Tr và bà Hoàng Thị Thu H1. Đến tháng 10-2023, H liên hệ với ông Đỗ Trường A để nhập các loại hải sản khô về bán lẻ cho khách hàng tại nhà trọ và chợ Gia Nghĩa. H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã đưa ra thông tin gian dối với bà Lê Thị Lệ U, Hồ Thị M, Lăng Thị T, Đặng Văn D, Hoàng Minh Tr, Hoàng Thị Thu H1 là H cần tiền và có nguồn hải sản mua với giá rẻ, đã có khách hàng ở thành phố Đà Nẵng đặt mua số lượng lớn. Đồng thời, H cam kết trả lợi nhuận cao, cứ 10.000.000đồng sẽ trả lợi nhuận 2.500.000đồng/ngày, 25.000.000đồng trả 5.000.000đồng/ngày để các bị hại tin tưởng góp vốn bằng tiền mặt cho H hoặc chuyển đến tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 9855607668 mang tên Bốc Nịp L. Sau khi nhận được tiền, H dùng một phần để trả lợi nhuận cho chính người góp vốn để các bị hại tin tưởng tiếp tục chuyển tiền. Khi không còn ai cho vay và không còn khả năng thanh toán thì H bỏ trốn và thay đổi số điện thoại nhằm chiếm đoạt số tiền đã vay, huy động. Bằng phương thức thủ đoạn trên, H đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 06 người bị hại với tổng số tiền là 688.500.000đồng, cụ thể:

1. Chiếm đoạt của bà Lê Thị Thu U: Từ ngày 08-12-2023 đến ngày 18-12-2023, bà U chuyển khoản cho H tổng số tiền 529.000.000đồng thông qua số tài khoản của ông Bốc Nịp L, khi giao nhận tiền không viết giấy với nhau. H đã chuyển khoản trả cho bà U được số tiền 106.000.000đồng, chiếm đoạt 423.000.000đồng.

2. Chiếm đoạt của bà Hồ Thị M: Ngày 28-11-2023, bà M đưa 02 lần số tiền mặt 90.000.000đồng cho H; ngày 30-11-2023, bà M đưa thêm 50.000.000đồng tiền mặt. Tổng số tiền H đã nhận từ bà M là 140.000.000đồng tiền mặt, khi đưa tiền không viết giấy tờ gì với nhau. Sau khi nhận tiền, H nhiều lần trả tiền cho bà M bằng tiền mặt và chuyển khoản đến số tài khoản của con gái là bà Hoàng Thị Thu H1 tổng số tiền 20.000.000đồng, chiếm đoạt số tiền 120.000.000đồng.

3. Chiếm đoạt của bà Lăng Thị T: Giữa tháng 12-2023, bà T đưa cho H 50.000.000đồng tiền mặt, khi đưa tiền không viết giấy tờ gì với nhau. H đã trả cho bà T số tiền 12.000.000đồng, chiếm đoạt số tiền 38.000.000đồng.

4. Chiếm đoạt của ông Đặng Văn D: Ngày 15-12-2023, ông D đưa cho H 35.000.000đồng, trong đó 15.000.000đồng chuyển khoản và 20.000.000đồng tiền mặt. Ngày 18-12-2023, ông D đưa thêm cho H 20.000.000đồng tiền mặt. Tổng số tiền ông D đã đưa cho H là 55.000.000đồng. H đã trả cho ông D 10.000.000đồng và chiếm đoạt số tiền 45.000.000đồng.

5. Chiếm đoạt của bà Hoàng Thị Thu H1: Ngày 07-12-2023, bà H1 đưa cho H 25.000.000đồng tiền mặt. Ngày 15-12-2023, chuyển khoản thêm 25.000.000đồng. Tổng số tiền bà H1 đã đưa là 50.000.000đồng, H đã trả cho bà H1 22.500.000đồng và chiếm đoạt số tiền 27.500.000đồng.

6. Chiếm đoạt của ông Hoàng Minh Tr: Ngày 08-12-2023, ông Tr đưa cho H 20.000.000đồng. Ngày 13-12-2023, chuyển khoản thêm 25.000.000đồng. Tổng số tiền ông Tr đã đưa là 45.000.000đồng, H đã trả cho ông Tr 10.000.000đồng và chiếm đoạt 35.000.000đồng.

Ngày 18-12-2023, H bỏ trốn. Đến ngày 06-9-2024, phát hiện H đang ở phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, cơ quan điều tra đã triệu tập làm việc, H đã khai nhận toàn bộ nội dung sự việc.

Tại Bản cáo trạng số: 17/CT-VKSDN-P2, ngày 10/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Lại Thị Thu H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lại Thị Thu H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

**/Về hình phạt:* Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự, Xử phạt bị cáo Lại Thị Thu H mức án từ 13 (mười ba) năm đến 14 (mười bốn) năm tù giam về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 07/9/2024. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

**/ Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Lại Thị Thu H phải trả cho bà Hồ Thị M 120.000.000đồng, bà Lê Thị Lệ U 423.000.000đồng, bà Lăng Thị T 38.000.000đồng, ông Đặng Văn D 45.000.000đồng, bà Hoàng Thị Thu H1 27.500.000đồng, ông Hoàng Minh Tr 35.000.000đồng.

**/Về vật chứng của vụ án:* Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, số IMEI 01: 869945065475234, số IMEI 02: 869945065475226, gắn sim số 0941519921; 01 điện thoại di động nhãn hiệu FORME và số tiền 11.300.000 đồng thu giữ của H.

- Đối với giữ liệu sao kê tài khoản ngân hàng đã được đóng dấu bút lục, cần tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo ông Nguyễn Thanh H trình bày: Về tội danh đối với bị cáo thì đồng ý với việc truy tố của Viện kiểm sát về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tuy nhiên đối với số tiền làm căn cứ để truy tố đối với bị cáo theo khoản 4 thì chưa đồng ý vì trong quá trình điều tra theo luật sư là chưa được làm rõ bởi vì bị cáo cho rằng đã trả cho các bị hại rất nhiều và các bị hại cũng thừa nhận, việc bị cáo trả tiền thì toàn trả tiền mặt nên không có tài liệu chứng cứ chứng minh nhưng theo tôi nhà của nhiều bị hại có camera do đó cần trích xuất để xem xét việc bị cáo đã nhiều lần trả tiền cho các bị hại. Vì vậy, đề nghị áp dụng các Điều 280, 268, 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông để điều tra số tiền mà bị cáo đã trả cho người bị hại để xác định khung truy tố cho đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo không bào chữa mà chỉ xin Tòa án xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Những người bị hại đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lại Thị Thu H nói lời sau cùng, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo một cơ hội để sửa chữa những lỗi lầm sớm trở thành người công dân tốt, sống có ích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định. Bị cáo, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Lời khai của bị cáo Lại Thị Thu H, lời khai của các bị hại và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 11 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023, Lại Thị Thu H đã đưa ra thông tin gian dối là H cần tiền và có nguồn hải sản mua với giá rẻ, đã có khách hàng ở thành phố Đà Nẵng đặt mua số lượng lớn đồng thời cam kết trả lợi nhuận cao, cứ 10.000.000đồng sẽ trả lợi nhuận 2.500.000đồng/ngày, 25.000.000 đồng trả 5.000.000đồng/ngày nhằm chiếm đoạt số tiền đã vay, huy động của các bị hại. Tổng số tiền H chiếm đoạt là 688.500.000đồng. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo cho rằng cần điều tra làm rõ số tiền mà

bị cáo đã trả cho các bị hại thì trong quá trình điều tra đã được làm rõ bị cáo cũng đã thừa nhận ở các bản hỏi cung và không có ý kiến hay khiếu nại gì nên không chấp nhận quan điểm của người bào chữa. Do đó, hành vi của bị cáo Lại Thị Thu H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Điều 174 của Bộ Luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

...”

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bên cạnh đó, hiện nay tình trạng lừa đảo chiếm đoạt tài sản có xu hướng gia tăng, vì vậy để kịp thời phòng ngừa, đấu tranh với loại tội phạm này, góp phần giữ vững ổn định trật tự, an toàn xã hội, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả mà bị cáo gây ra. Cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để đảm bảo được mục đích răn đe, giáo dục, phòng ngừa và cũng đủ để bị cáo học tập, lao động cải tạo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Việc đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là chưa phù hợp vì thực tế bị cáo chưa tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại được khoản nào. Đối với số tiền 11.300.000 đồng và 02 chiếc điện thoại thu giữ khi bị bắt đã xác định được là tài sản của bị cáo dù bị cáo không đề bồi thường thì căn cứ theo quy định của pháp luật cũng buộc bị cáo phải dùng những tài sản đó để bồi thường cho những người bị hại. Hội đồng xét xử thấy chưa phù hợp, tuy nhiên cần áp dụng có lợi cho bị cáo nên sẽ áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đối với bị cáo. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585 của Bộ luật Dân sự. Buộc Lại

Thị Thu H phải trả cho bà Hồ Thị M 120.000.000đồng, bà Lê Thị Lệ U 423.000.000đồng, bà Lăng Thị T 38.000.000đồng, ông Đặng Văn D 45.000.000đồng, bà Hoàng Thị Thu H1 27.500.000đồng, ông Hoàng Minh Tr 35.000.000đồng.

[6]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, số IMEI 01: 869945065475234, số IMEL 02: 869945065475226, gắn sim số 0941519921; 01 điện thoại di động nhãn hiệu FORME và số tiền 11.300.000 đồng thu giữ của H.

- Đối với giữ liệu sao kê tài khoản ngân hàng đã được đóng dấu bút lục, cần tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

[7]. Trong vụ án này còn có những vấn đề sau:

- Đối với ông Bốc Nip L, là người cho H mượn tài khoản để giao dịch nhận tiền của các bị hại. Kết quả điều tra chứng minh được việc giao dịch nhận tiền với các bị hại là do H thực hiện, ông L không đồng phạm với H nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm.

- Đối với khoản vay 70 triệu đồng, bị cáo H khai trả cho bà Hồ Thị M nhưng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh nên không xem xét.

- Đối với việc Lại Thị Thu H trong quá trình mua hải sản còn nợ ông Đỗ Trường A số tiền 49.610.000 đồng, ông Đỗ Trường A không có yêu cầu gì đối với số tiền trên vì vậy không đề cập.

- Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lại Thị Thu H.

[8]. Về án phí: Bị cáo Lại Thị Thu H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lại Thị Thu H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lại Thị Thu H 13 (*Mười ba*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 07/9/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Lại Thị Thu H phải trả cho bà Hồ Thị M số tiền 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), bà Lê Thị Lệ U số tiền 423.000.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi ba triệu đồng*), bà Lăng Thị T số tiền 38.000.000 đồng (*Ba mươi tám triệu đồng*), ông Đặng Văn D số tiền 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*), bà Hoàng Thị Thu H1 27.500.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*), ông Hoàng Minh Tr số tiền 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng và các tài liệu, đồ vật thu giữ: Căn cứ điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

- Tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, số IMEI 01: 869945065475234, số IMEI 02: 869945065475226, gắn sim số 0941519921; 01 điện thoại di động nhãn hiệu FORME và số tiền 11.300.000 đồng (*Mười một triệu ba trăm nghìn đồng*) thu giữ của H.

- Đối với giữ liệu sao kê tài khoản ngân hàng đã được đóng dấu bút lục, cần tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

(Có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng, ngày 10/02/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc Lại Thị Thu H phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 31.088.000đồng (*Ba mươi một triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Nông;
- CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Nông;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đắk Nông;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh